

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 849 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thực hiện Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy đến năm 2025, tầm nhìn đến năm, 2030;
Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;
Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2019;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số1.8.5./TTr-STNMT ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT + HN, HB.61

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Sơn Hải

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 17/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thực hiện Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch “Triển khai thực hiện Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa” (Kế hoạch) với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu tổng quát

Quản lý an toàn theo vòng đời, kiểm soát ô nhiễm, giảm phát thải, xử lý và tiến tới loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) tại Khánh Hòa nhằm đáp ứng các yêu cầu của Công ước Stockholm về các chất POP, góp phần bảo vệ sức khỏe con người và môi trường, phát triển bền vững tại Việt Nam và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường năng lực về khoa học công nghệ, thông tin, tài chính để phòng ngừa, kiểm soát và xử lý an toàn đối với các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy;
- Nâng cao nhận thức về các chất POP, hóa chất độc hại, sức khỏe môi trường liên quan đến các chất POP và các phương án quản lý (hạn chế sử dụng, thay thế, loại bỏ, xử lý, tiêu hủy) các chất POP;
- Kiểm soát các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong bảo vệ thực vật, diệt côn trùng, y tế (POP-BVTV) đã bị cấm sử dụng và quản lý an toàn các loại hóa chất POP-BVTV theo quy định của Công ước Stockholm.
- Quản lý an toàn vật liệu, thiết bị có polychlorinated biphenyl (gọi tắt là PCB); chấm dứt sử dụng thiết bị có PCB nồng độ từ 50mg/kg trở lên vào năm 2025.
- Kiểm soát, hạn chế sử dụng và quản lý an toàn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong lĩnh vực công nghiệp (POP-CN).

- Giảm lượng phát thải các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy phát sinh không chủ định (UPOP) từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dân sinh; quản lý rủi ro do các chất UPOP gây ra đối với môi trường và sức khỏe con người.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ

2.1. Kiểm soát ô nhiễm POP

- Kiểm soát hoạt động nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng, lưu giữ, vận chuyển các hóa chất POP theo quy định hiện hành và yêu cầu của Công ước Stockholm.

- Kiểm soát ô nhiễm và xử lý bao bì, hóa chất POP hết hạn và sản phẩm thải bỏ, chất thải chứa hóa chất POP.

2.2. Kiểm soát ô nhiễm và xử lý các vật liệu, chất thải chứa POP-BDE, PFOS, PFOSF, HBB, HBCD, HCB, PCP

- Quản lý an toàn và kiểm soát ô nhiễm các hóa chất thuộc nhóm hexabromodiphenyl ete, heptabromodiphenyl ete, tetrabromodiphenyl ete, pentabromodiphenyl ete và decabromodiphenyl ete (POP-BDE – tại Phụ lục A, Phần IV, V, Công ước Stockholm) trong đó tập trung vào các sản phẩm điện, điện tử, vật liệu chống cháy, phương tiện giao thông, đồ gia dụng.

- Quản lý an toàn và kiểm soát ô nhiễm các hóa chất thuộc nhóm perfluorooctane sulfonic, muối của chúng và perfluorooctane sulfonyl fluoride (PFOS, PFOSF – tại Phụ lục B, Phần III, Công ước Stockholm). Thúc đẩy việc thay thế PFOS, PFOSF trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh; hạn chế và loại bỏ PFOS, PFOSF trong các sản phẩm và hóa chất diệt côn trùng.

- Quản lý an toàn, kiểm soát ô nhiễm và giảm việc sử dụng các hóa chất thuộc nhóm hexabromodiphenyl (HBB), hexabromocyclododecane (HBCD), hexachlorobutadiene (HCB), pentachlorophenol, muối của nó và các este (PCP) (tại Phụ lục A, Công ước Stockholm). Quản lý an toàn và các hóa chất thuộc nhóm HBB, HBCD, PCP trong sản xuất, kinh doanh; áp dụng kỹ thuật tốt nhất hiện có và thực hành môi trường tốt nhất trong việc phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý an toàn các vật liệu, chất thải HBCD, HCB, PCP.

III. NGUỒN LỰC VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

3.1. Nguồn lực thực hiện

Được huy động và tối ưu hóa trên cơ sở thực hiện các nội dung sau:

- Phối hợp lồng ghép với các chương trình, dự án về phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, quản lý chất thải, các chương trình khoa học công nghệ và các chương trình, dự án, hoạt động có liên quan khác nhằm thu hút thêm nguồn đầu tư và tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực;

- Huy động đa dạng các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước, nguồn ODA không hoàn lại, vốn vay, nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân;

- Khuyến khích các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đầu tư thực hiện các dự án khắc phục ô nhiễm thông qua các chính sách ưu đãi về đất đai, miễn giảm thuế, vay tín dụng ưu đãi, các hoạt động hợp tác công - tư trong quản lý các chất POP;

- Tranh thủ tối đa nguồn tài chính của các tổ chức tài chính quốc tế; Tăng cường hợp tác quốc tế cần được thực hiện ở nhiều lĩnh vực như: hợp tác kỹ thuật, viện trợ không hoàn lại cho xây dựng dự án, nâng cao năng lực, hoàn thiện thể chế, hỗ trợ theo dự án, giải quyết các vấn đề sức khỏe và phúc lợi xã hội cho các đối tượng liên quan;

- Sự tham gia của các kênh truyền thông trong công tác thông tin, tuyên truyền, đặc biệt là trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

3.2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được huy động từ các nguồn:

- Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ODA), gồm: vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên (sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, sự nghiệp đào tạo, sự nghiệp môi trường, chi quản lý hành chính, vốn vay, hỗ trợ kỹ thuật,...);

- Vốn tài trợ, đầu tư hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì kiểm soát ô nhiễm, xử lý và cải tạo phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do ảnh hưởng của các chất POP (nếu có);

- Tăng cường năng lực quan trắc môi trường, cập nhật dữ liệu về nguồn và lượng phát thải các chất POP hình thành không chủ định (UPOP), ưu tiên đối với các nguồn nguy cơ cao ảnh hưởng tới sức khỏe con người, đa dạng sinh học và môi trường;

- Là cơ quan đầu mối, tham mưu UBND tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện các hoạt động quản lý và kiểm soát các chất POP trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường định kỳ trước 31 tháng 12 hàng năm.

4.2. Sở Công Thương

- Đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức của nhà sản xuất và tiêu dùng về sản xuất bền vững, tiêu thụ bền vững sản phẩm, vật liệu liên quan đến các chất POP công nghiệp;

- Kiểm kê, đánh giá các chất POP sử dụng trong ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Kiểm kê phát thải UPOP từ các ngành công nghiệp;
- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu, thay thế và giảm phát thải các chất POP trong công nghiệp;
- Cung cấp thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường về nhu cầu sử dụng các chất POP;
- Chủ trì triển khai thực hiện chương trình, dự án được giao tại Phụ lục 2.

4.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương kiểm kê, đánh giá việc sử dụng, ảnh hưởng của các hóa chất POP-BVTV;
- Kiểm soát hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, kinh doanh, sử dụng, lưu giữ, vận chuyển các hoá chất POP-BVTV theo quy định hiện hành;
- Rà soát, điều tra các khu vực bị ô nhiễm do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu, hóa chất bảo vệ thực vật bị tịch thu và bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật sau sử dụng và đề xuất biện pháp xử lý;
- Tăng cường các hoạt động quản lý, kiểm soát các chất POP theo lĩnh vực, ngành phụ trách;
- Chủ trì triển khai thực hiện chương trình, dự án được giao tại Phụ lục 2.

4.4. Sở Y tế

- Kiểm soát việc nhập khẩu, xuất khẩu các chất POP sử dụng trong lĩnh vực y tế;
- Tăng cường các hoạt động quản lý, kiểm soát các chất POP theo lĩnh vực, ngành phụ trách;
- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương trong công tác điều tra, kiểm kê, đánh giá ảnh hưởng các chất POP sử dụng trong lĩnh vực y tế;
- Đầu tư hoặc đề xuất đầu tư các loại hình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bằng công nghệ ít hoặc không phát thải các chất UPOP.

4.5. Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và từ các nguồn khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung, chương trình, dự án liên quan đến công tác quản lý, kiểm soát ô nhiễm và xử lý các chất POP trên địa bàn tỉnh.
- Căn cứ các nội dung của Kế hoạch và danh mục các chương trình, dự án được giao (Phụ lục 2), các cơ quan liên quan lập dự toán gửi Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp để đưa vào dự toán ngân sách

hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trình UBND tỉnh theo Luật ngân sách nhà nước.


4.6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến đến các tầng lớp nhân dân và cộng đồng dân cư về tác hại của các chất POP đến sức khỏe và môi trường sống;

- Tăng cường các hoạt động quản lý, kiểm soát các chất POP theo thẩm quyền;

- Phối hợp với các Sở, ban ngành và đơn vị có liên quan trong công tác điều tra, rà soát các điểm/khu vực bị ô nhiễm các chất POP và xử lý, cải tạo phục hồi môi trường phục hồi môi trường tại các khu vực tồn lưu, ô nhiễm các chất POP.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; đề xuất giải pháp kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện với UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xử lý.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Sơn Hải

Trần Sơn Hải

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC CHẤT POP THEO
QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC STOCKHOLM
(Ban hành kèm theo Quyết định số. 249/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 03 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| STT | Tên chất POP | Phụ lục | Thời điểm đưa vào Công ước Stockholm | Mục đích sử dụng chính, đặc điểm phát thải | |
|---------------------------------|--|---------|--------------------------------------|---|--------------|
| Các chất POP ban đầu | | | | | |
| 1 | Aldrin | A | 2001 | Bảo vệ thực vật và diệt côn trùng, sử dụng trong y tế (gọi tắt là POP-BVTV) | |
| 2 | Chlordane | A | | | |
| 3 | Dieldrin | A | | | |
| 4 | Endrin | A | | | |
| 5 | Heptachlor | A | | | |
| 6 | Mirex | A | | | |
| 7 | Toxaphene | A | | | |
| 8 | 1,1,1 -trichloro2,2-bis (4-chlorophenyl) ethane (DDT) | B | | | |
| 9 | Hexachlorobenzene (HCB) | A, C | | Công nghiệp, POP-BVTV, phát sinh không chủ định (gọi tắt là UPOP) | |
| 10 | Polychlorinated biphenyl (PCB) | A, C | | Công nghiệp, UPOP | |
| 11 | Polychlorinated dibenzo-p-dioxin (PCDD) | C | | UPOP | |
| 12 | Polychlorinated dibenzofuran (PCDF) | C | | | |
| Các chất POP mới bổ sung | | | | | |
| 13 | Chlordecone | A | 2009 | POP-BVTV | |
| 14 | Alpha hexachlorocyclohexane | A | | | |
| 15 | Beta hexachlorocyclohexane | A | | | |
| 16 | Lindane | A | | | |
| 17 | Hexabromobiphenyl (HBB) | A | | Công nghiệp | |
| 18 | Hexabromodiphenyl ete và Heptabromodiphenyl ete (POP-BDE) | A | | | |
| 19 | Tetrabromodiphenyl ete và Pentabromodiphenyl ete (POP-BDE) | A | | | |
| 20 | Pentachlorobenzene (PeCB) | A, C | | | Công nghiệp, |

| STT | Tên chất POP | Phụ lục | Thời điểm đưa vào Công ước Stockholm | Mục đích sử dụng chính, đặc điểm phát thải |
|-----|---|---------|--------------------------------------|--|
| | | | | POP-BVTV, UPOP |
| 21 | Các axit Perfluorooctane sulfonic, muối của chúng (PFOS) và perfluorooctane sulfonyl fluoride (PFOSF) | B | | Công nghiệp, POP-BVTV |
| 22 | Endosulfan kỹ thuật và các hóa chất liên quan | A | 2011 | POP-BVTV |
| 23 | Hexabromocyclododecane (HBCD) | A | 2013 | Công nghiệp |
| 24 | Pentachlorophenol (PCP), muối của nó và các este | A | 2015 | Công nghiệp, POP-BVTV |
| 25 | Polychlorinated naphthalene (PCN) | A, C | | Công nghiệp, POP-BVTV, UPOP |
| 26 | Hexachlorobutadiene (HCBd) | A, C | | |
| 27 | Decabromodiphenyl ete (DBDE) | A | 2017 | Công nghiệp |

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54.9./QĐ-UBND
ngày 24. tháng ... 3. năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

| STT | Tên chương trình, dự án | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí | Cơ quan chủ trì thực hiện |
|-----------|---|---------------------|---|--|
| 1. | Kiểm soát ô nhiễm, xử lý và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm POP – BVTV và các chất POP công nghiệp | | | |
| 1.1. | Đánh giá thực trạng các khu vực bị ô nhiễm POP – BVTV trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | 2019 - 2025 | Sự nghiệp môi trường/sự nghiệp khoa học,... | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 1.2. | Đánh giá thực trạng các khu vực bị ô nhiễm các chất POP công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | 2019 - 2025 | Sự nghiệp môi trường/sự nghiệp khoa học,... | Sở Công Thương |
| 1.3. | Kiểm soát ô nhiễm, xử lý và phục hồi môi trường đối với các khu vực bị ô nhiễm POP – BVTV và các chất POP công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | 2025 - 2030 | Sự nghiệp môi trường/sự nghiệp khoa học,... | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 2. | Kiểm soát ô nhiễm, xử lý các vật liệu, chất thải chứa POP-BDE, PFOS, PFOSF, HBB, HBCD, HCB, PCP | | | |
| 2.1. | Đánh giá thực trạng ô nhiễm do các các vật liệu, chất thải chứa POP-BDE, PFOS, PFOSF, HBB, HBCD, HCB, PCP trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | 2019 - 2025 | Sự nghiệp môi trường/sự nghiệp khoa học,... | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2.2. | Đánh giá thực trạng ô nhiễm do các các vật liệu, chất thải chứa POP-BDE, PFOS, PFOSF, HBB, HBCD, HCB, PCP trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | 2019 - 2025 | Sự nghiệp môi trường/sự nghiệp khoa học,... | Sở Công Thương |
| 2.3. | Kiểm soát ô nhiễm, xử lý các vật liệu, chất thải chứa POP-BDE, PFOS, PFOSF, HBB, HBCD, HCB, PCP trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | 2025 - 2030 | Sự nghiệp môi trường/sự nghiệp khoa học,... | Sở Tài nguyên và Môi trường |